

Số: /2026/QĐ - UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung về quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định Quy định một số nội dung về quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định một số nội dung về quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng từ năm ngân sách 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND – UBND – MTTQ TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND các xã, phường;
- Các đơn vị ngành dọc trên địa bàn Thành phố;
- Trung tâm TT, DL&CNS Thành phố;
- VP UBND TP (để đăng công báo);
- VPUB: CVP, các PCVP, KT;
- Lưu: VT, KT, STC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đại Thắng

QUY ĐỊNH

Quy định một số nội dung về quản lý ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Hà Nội

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2026/QĐ-UBND ngày tháng năm
2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết và hướng dẫn cụ thể khoản 3 Điều 16, khoản 2 Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ).

2. Quy định này quy định chi tiết và hướng dẫn cụ thể khoản 4 Điều 12, khoản 3 Điều 13, khoản 3 Điều 15, điểm g khoản 2 Điều 18, điểm k khoản 2 Điều 18, khoản 5 Điều 20, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 35 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp của thành phố Hà Nội.
2. Các đơn vị sự nghiệp công lập của thành phố Hà Nội.
3. Các tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến ngân sách thành phố Hà Nội.

Chương II

LẬP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 3. Lập lại dự toán ngân sách xã, phường và phân bổ ngân sách cấp xã

1. Thời gian lập lại dự toán ngân sách xã, phường và phân bổ ngân sách cấp xã được thực hiện như sau:

a) Trường hợp dự toán ngân sách xã, phường và phân bổ ngân sách cấp xã chưa được Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định, Ủy ban nhân dân cấp xã lập lại dự toán đối với nội dung chưa được quyết định, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 23 tháng 12.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân Thành phố giao dự toán thu, chi ngân sách năm sau cho các xã, phường chậm hơn thời hạn quy định tại khoản 7 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp vào thời gian do Hội đồng nhân dân quyết định, nhưng phải bảo đảm việc quyết định dự toán hoàn thành trước ngày 26 tháng 12.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã phải hoàn thành việc giao dự toán ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, đơn vị được giao dự toán trước ngày 31 tháng 12 theo quy định tại khoản 8 Điều 46 của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 4. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách của các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

1. Thời gian lập, gửi dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch thu - chi tài chính năm sau của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách:

a) Cơ quan Thuế, cơ quan Hải quan quản lý địa bàn thành phố Hà Nội, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí và các khoản thu khác và các sở, ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm sau, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

b) Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc Thành phố được giao chủ trì các chương trình mục tiêu quốc gia tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với dự toán chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Thành phố), Bộ chủ chương trình mục tiêu quốc gia (đối với dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia của Thành phố), đồng thời gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

c) Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc Thành phố và các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố được giao quản lý quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách lập kế hoạch thu - chi tài chính năm sau của quỹ thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính và quy định của pháp luật có liên quan, gửi Sở Tài chính kèm báo cáo dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị mình trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã lập dự toán thu, chi ngân sách năm sau, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.

2. Đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố quy định cụ thể thời gian các đơn vị dự toán ngân sách và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi báo cáo dự toán, báo cáo kế hoạch thu, chi tài chính năm sau của quỹ cho phù hợp.

3. Hàng năm, căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ hướng dẫn cụ thể việc xây dựng dự toán ngân sách năm sau phù hợp với yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách của Thành phố.

4. Mẫu biểu lập dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch thu - chi tài chính năm sau của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: Thực hiện theo các mẫu biểu từ số 01 đến số 07.1, 08.1, từ số 10.1 đến số 14.2, từ số 16 đến số 17, từ số 22 đến số 26 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC và theo văn bản hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân Thành phố.

Chương III

CHẤP HÀNH NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 5. Tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán ngân sách đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính để phục vụ công tác kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương, bao gồm:

1. Quyết định giao dự toán ngân sách cho các đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc (gửi bản chi tiết theo từng đơn vị sử dụng ngân sách) theo mẫu B, mẫu C Phụ lục II, các mẫu biểu số 47, 48 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính (kèm theo các tài liệu báo cáo thuyết minh căn cứ phân bổ, giao dự toán theo các mẫu biểu từ số 37 đến số 46 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính; bảng tổng hợp chương trình, dự án, đề án, chủ trương, kế hoạch, nhiệm vụ và dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt và văn bản phê duyệt điều chỉnh, bổ sung khác (nếu có điều chỉnh, bổ sung) so với khi lập dự toán).

2. Báo cáo thuyết minh phương án phân bổ dự toán ngân sách, trong đó thể hiện rõ: Nguyên tắc, tiêu chí và căn cứ phân bổ; tổng mức và cơ cấu phân bổ theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ chi; phân bổ chi tiết theo từng đơn vị trực thuộc. Trường hợp nhiệm vụ chi thực hiện quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ thì dự toán phải chi tiết theo từng nhiệm vụ, dịch vụ, sản phẩm và gửi kèm theo các tài liệu chứng minh việc đảm bảo điều kiện áp dụng quản lý ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các tài liệu, số liệu liên quan khác phục vụ công tác kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan tài chính; các nhiệm vụ chi ủy quyền thì dự toán phải chi tiết theo từng nhiệm vụ được ủy quyền.

Điều 6. Thời hạn gửi báo cáo và kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I tại các cấp ở địa phương

1. Chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân các cấp ban hành quyết định giao dự toán, đơn vị dự toán cấp I phải gửi đầy đủ tài liệu quy định tại Điều 5 Quy định này đến cơ quan tài chính cùng cấp để kiểm tra.

2. Cơ quan tài chính thực hiện kiểm tra việc phân bổ, giao dự toán của các đơn vị dự toán cấp I theo quy định tại Điều 51 Luật Ngân sách nhà nước, Điều 19 của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ trên cơ sở các tài liệu báo cáo thuyết minh do đơn vị cung cấp. Trường hợp phát hiện việc phân bổ không đúng tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ của dự toán ngân sách đã được giao, cơ quan tài chính yêu cầu đơn vị dự toán cấp I điều chỉnh lại chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo phân bổ của đơn vị dự toán ngân sách. Sau khi điều chỉnh, đơn vị dự toán cấp I gửi cơ quan tài chính cùng cấp và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để thực hiện.

Điều 7. Chi bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp xã

1. Chi bổ sung cân đối từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp xã:

a) Việc rút dự toán thực hiện theo tiến độ thu ngân sách Thành phố và nhu cầu chi thực tế của ngân sách cấp xã, bảo đảm cân đối ngân sách trong phạm vi dự toán được giao.

b) Mức rút dự toán hằng tháng: Cơ quan tài chính xã, phường thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, mức rút tối đa hằng tháng về nguyên tắc không vượt quá 1/12 tổng mức dự toán bổ sung cân đối ngân sách cả năm; riêng các tháng trong quý I, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ chi của ngân sách xã, phường, mức rút dự toán có thể cao hơn, nhưng mức rút 01 tháng không vượt quá 12% dự toán năm và bảo đảm tổng mức rút quý I không vượt quá 30% dự toán năm. Trường hợp đặc biệt cần tăng tiến độ rút dự toán, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Sở Tài chính xem xét, quyết định.

2. Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách cấp xã:

a) Căn cứ vào chế độ, tiến độ, khối lượng thực hiện của từng chương trình, dự án, nhiệm vụ, khối lượng hoàn thành được nghiệm thu và mức tạm ứng theo quy định, cơ quan tài chính xã, phường thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch, mức rút tối đa bằng dự toán giao cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ.

b) Trường hợp rút dự toán nhưng sử dụng không đúng mục tiêu hoặc không sử dụng hết, thì phải hoàn trả cho ngân sách cấp Thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Điều 8. Chế độ báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước

1. Việc báo cáo tình hình chấp hành ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Điều 29 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Thời hạn báo cáo và mẫu biểu báo cáo:

a) Định kỳ hằng quý, chậm nhất là ngày 04 tháng đầu tiên của quý sau, Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch báo cáo cơ quan tài chính về thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu từ số 55 đến số 56.1 Phụ lục I kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài

chính; Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, tình hình thực hiện thu, chi ngân sách địa phương theo mẫu biểu từ số 01 đến số 04 kèm theo Quy định này.

Chậm nhất là ngày 07 tháng đầu tiên của quý sau, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Bộ Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất theo quy định tại điểm d, điểm e khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. Thời gian Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp chậm nhất là ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau.

b) Định kỳ hằng quý, chậm nhất là ngày 10 tháng đầu tiên của quý sau, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp mình, phân bổ chi tiết đối với các khoản dự toán chi ngân sách cấp mình chưa phân bổ chi tiết và dự toán kinh phí do ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu trong năm theo mẫu biểu số 05 kèm theo Quy định này.

Chậm nhất là ngày 15 tháng đầu tiên của quý sau, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về tình hình sử dụng dự phòng ngân sách cấp Thành phố, phân bổ chi tiết đối với các khoản dự toán chi ngân sách cấp Thành phố chưa phân bổ chi tiết và dự toán kinh phí do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu trong năm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 18 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính. Thời gian Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp chậm nhất trước ngày 20 sau ngày kết thúc quý.

c) Trước ngày 05 tháng 3 hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách cấp xã theo mẫu biểu số 06 kèm theo Quy định này.

d) Trước ngày 10 tháng 3 hằng năm, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Bộ Tài chính kết quả phân bổ, sử dụng số tăng thu so với dự toán và dự toán chi còn lại của ngân sách thành phố Hà Nội theo mẫu biểu số 07 kèm theo Quy định này. Thời gian Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Tài chính chậm nhất trước ngày 15 tháng 3 hằng năm.

đ) Trường hợp điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách các cấp của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 54 của Luật Ngân sách nhà nước, cơ quan tài chính các cấp chủ trì xây dựng phương án điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định điều chỉnh dự toán, Ủy ban nhân dân các cấp của Thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp, cơ

quan tài chính cấp trên trực tiếp và tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất về dự toán thu, chi ngân sách đã được điều chỉnh.

Chương IV

QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 9. Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước

1. Thời hạn gửi báo cáo quyết toán của các đơn vị dự toán cấp I các cấp:

a) Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp xã lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 10 tháng 02 năm sau.

b) Các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp Thành phố lập báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi về Sở Tài chính trước ngày 10 tháng 3 năm sau.

c) Trường hợp quá thời hạn quy định tại điểm a, điểm b khoản này, cơ quan tài chính chưa nhận được báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thì cơ quan tài chính có quyền tạm đình chỉ cấp kinh phí theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Đối với các đơn vị có sử dụng kinh phí ủy quyền, kinh phí bổ sung có mục tiêu: Phải thực hiện quyết toán riêng phần kinh phí này và gửi cùng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ thời hạn gửi báo cáo quyết toán quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp xã quy định thời gian các đơn vị dự toán ngân sách, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý gửi báo cáo quyết toán ngân sách, quyết toán thu, chi tài chính của quỹ, đảm bảo thời gian tổng hợp, gửi báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I.

Chương V

CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 10. Mẫu biểu công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách cấp xã (03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm) theo mẫu biểu từ số 01 đến số 04 kèm theo Quy định này.

Điều 11. Cơ quan thực hiện công khai dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp Thành phố; kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do cấp Thành phố quản lý; tình hình thực hiện và

quyết toán ngân sách địa phương

1. Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định công khai dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp Thành phố đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định, Ủy ban nhân dân Thành phố giao; quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân Thành phố phê chuẩn. Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định công khai, Sở Tài chính thực hiện công khai theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Sở Tài chính chủ động thực hiện công khai các nội dung sau:

a) Số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định; dự kiến kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do cấp Thành phố quản lý.

b) Số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện ngân sách địa phương 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng, năm đã báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 12. Chế độ báo cáo công khai ngân sách

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể và các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Sở Tài chính về số liệu, tài liệu công khai ngân sách của cơ quan, đơn vị theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 26, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính; đồng thời gửi dữ liệu điện tử báo cáo vào nền tảng Cơ sở dữ liệu về tài chính của thành phố Hà Nội (dữ liệu phải được ký số theo quy định của Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và các văn bản pháp luật có liên quan), gửi qua hệ thống Cổng Công khai ngân sách nhà nước của thành phố Hà Nội cùng thời điểm thực hiện công bố công khai theo hướng dẫn của Sở Tài chính và quy định tại Điều 33 Thông tư số 26/2026/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp Thành phố và cấp xã quy định việc báo cáo công khai ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách, công khai tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật áp dụng tại Quy định này được hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản mới đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố giải quyết theo thẩm quyền./.

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ ...NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán UBND Thành phố giao	Dự toán xã, phường giao	Ước thực hiện		Ước thực hiện Quý... so với (%)			Ghi chú
				Quý...	Lũy kế...	Dự toán UBND Thành phố giao	Dự toán xã, phường giao	Cùng kỳ năm...	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN								
	Thu nội địa								
B	TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐƯỢC HƯỞNG								
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp								
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%								
2	Thuế giá trị gia tăng								
3	Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %								
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố								
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách								
2	Thu bổ sung có mục tiêu								
IV	Thu kết dư								
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển								
VI	Thu khác (nếu có)								
C	TỔNG CHI NSDP								
I	Chi cân đối ngân sách địa phương								
1	Chi đầu tư phát triển								
2	Chi thường xuyên								
3	Dự phòng ngân sách								
4	Các nhiệm vụ chi khác								
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp Thành phố								
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau								
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên								

ƯỚC THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ ... NĂM...

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán UBND Thành phố giao	Dự toán xã, phường giao	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ... so với (%)			Ghi chú
				Quý...	Lũy kế...	Dự toán UBND Thành phố giao	Dự toán xã, phường giao	Cùng kỳ năm...	
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=3/2	7	8
I	Tổng thu NSNN trên địa bàn								
1	Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh								
	- Thuế giá trị gia tăng								
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt								
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp								
	- Thuế tài nguyên								
2	Lệ phí trước bạ								
	- Lệ phí trước bạ nhà đất								
	- Lệ phí trước bạ xe máy, ô tô, tàu thuyền và tài sản khác								
3	Thuế bảo vệ môi trường								
4	Thuế sử dụng đất nông nghiệp								
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp								
6	Thuế thu nhập cá nhân								
7	Thu phí, lệ phí								
	<i>Trong đó:</i>								
	<i>Khoản phí, lệ phí do xã, phường quản lý, thực hiện thu</i>								
8	Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước								
9	Tiền sử dụng đất								
	- Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, đấu giá quyền sử dụng đất giao cho cá nhân, hộ gia đình								
	- Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với các tổ chức, doanh nghiệp								
	- Thu tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất								
	- Thu tiền sử dụng đất đối ứng các dự án BT								
	- Thu khác								
10	Tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất								
11	Thu quỹ đất công ích hoa lợi công sản								
12	Các khoản thu khác ngân sách								
	<i>Trong đó: Khoản thu khác do xã/phường quản lý thực hiện thu</i>								
II	Thu ngân sách xã, phường được hưởng								
1	Số thu ngân sách xã, phường được hưởng theo phân cấp								
	<i>Trong đó: Tiền sử dụng đất và tiền đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất</i>								
	- Các khoản thu NSDP hưởng 100%								
	- Thuế giá trị gia tăng								
	- Các khoản thu phân chia NSDP theo tỷ lệ %								
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố								
	- Thu bổ sung cân đối ngân sách								
	- Thu bổ sung có mục tiêu								
	+ <i>Bổ sung chi thường xuyên</i>								
	+ <i>Bổ sung chi đầu tư</i>								
3	Nguồn khác (nếu có)								
	- Thu chuyển nguồn								
	- Thu kết dư								

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NSNN QUÝ ...NĂM...

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán UBND Thành phố giao	Dự toán xã/phường giao	Ước thực hiện		Ước thực hiện Quý... so với (%)		
				Quý...	Lũy kế ...	Dự toán UBND Thành phố giao	Dự toán xã/phường giao	Cùng kỳ năm...
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số chi ngân sách nhà nước (I+II)							
I	Tổng chi cân đối ngân sách (1+2+3+4)							
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản							
	Trong đó:							
-	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
-	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số							
1.1.	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực							
1.2.	Chi chương trình mục tiêu quốc gia, Thành phố (vốn đối ứng của xã, phường nếu có)							
2	Chi thường xuyên							
	Trong đó:							
-	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo							
-	Chi sự nghiệp môi trường							
-	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số							
-	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế							
3	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương							
4	Dự phòng ngân sách							
II	Chi từ nguồn ngân sách cấp Thành phố bổ sung có mục tiêu							
1	Bổ sung kinh phí thường xuyên							
2	Bổ sung vốn đầu tư							
2.1	Bổ sung chi đầu tư xây dựng cơ bản							
2.2	Bổ sung Chương trình mục tiêu quốc gia, Thành phố							
III	Chi chuyên nguồn							
IV	Chi nộp trả ngân sách cấp trên							

Tên UBND xã, phường:.....

Mẫu biểu số 04

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM...

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng dự phòng ngân sách xã/phường			Dự phòng ngân sách xã/phường			Dự phòng ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã/phường		
		Tổng cộng nguồn kinh phí	Lũy kế đã sử dụng đến ngày .../ tháng.../năm...	Kinh phí còn lại chưa phân bổ	Dự toán Xã/phường giao	Lũy kế đã sử dụng đến ngày .../ tháng.../năm...	Kinh phí còn lại chưa phân bổ	Số NSTP bổ sung	Số đã phân bổ đến ngày .../ tháng.../năm...	Kinh phí còn lại chưa phân bổ
A	B	1=4+7	2=5+8	3=6+9	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
	Tổng số									
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên									

Tên UBND xã, phường:.....

Mẫu biểu số 05

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH CẤP MÌNH, PHÂN BỐ CHI TIẾT ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP MÌNH CHƯA PHÂN BỐ CHI TIẾT VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ DO NGÂN SÁCH CẤP TRÊN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TRONG QUÝ..., 6 THÁNG, 9 THÁNG, CẢ NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm ...			Số kinh phí đã phân bổ, sử dụng Quý...	Lũy kế số kinh phí đã phân bổ, sử dụng 3, 6, 9, 12 tháng	Dự toán còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó					
			Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung trong năm				
1	2	3=4+5	4	5	6	7	8=3-7	9
TỔNG CỘNG								
I	Dự phòng ngân sách cấp...	
II.1	Đối với chi đầu tư phát triển	/	/	/	/	
1		
...		
II.2	Đối với chi thường xuyên					
1		
...		
II	Các khoản dự toán chi ngân sách cấp ... chưa phân bổ chi tiết từ đầu năm							
II.1	Đối với chi đầu tư phát triển							
1		
...		
II.2	Đối với chi thường xuyên							
1		
...		

STT	Nội dung	Dự toán năm ...			Số kinh phí đã phân bổ, sử dụng Quý...	Lũy kế số kinh phí đã phân bổ, sử dụng 3, 6, 9, 12 tháng	Dự toán còn lại chưa phân bổ	Ghi chú
		Dự toán sau điều chỉnh	Trong đó					
			Dự toán giao đầu năm	Điều chỉnh, bổ sung trong năm				
III	Kinh phí ngân sách cấp ... bổ sung có mục tiêu							
II.1	Đối với chi đầu tư phát triển							
1			
...			
II.2	Đối với chi thường xuyên							
1			
...			

Tên UBND xã, phường:.....

Mẫu biểu số 06

**KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM ...
CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số			
1	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách			
2	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
3	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
4	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			
5	Thực hiện các nhiệm vụ khác (nếu có, đề nghị liệt kê chi tiết)			

**KẾT QUẢ PHÂN BỐ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM ...
CỦA NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

(Kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND thành phố Hà Nội)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số			
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ			
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính			
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương			
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			
6	Thường vượt dự toán thu hoặc hỗ trợ ngân sách cấp dưới hụt thu			
7	Các nhiệm vụ khác (nếu có, đề nghị liệt kê chi tiết)			